

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 08 /2019/DSST

Ngày: 25 / 6 /2019

V/v “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Thị Hương.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* ông Trịnh Đình Hồng; Ông Trần Văn Ngọt

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lại Thị Diệu Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bỉm sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm sơn: Bà Nguyễn Thị Huân – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Bỉm sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 10/2019 /TLST-DS ngày 28 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “ *Hợp đồng vay tài sản* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07 /QĐXX-DS ngày 17 / 5 /2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam

Địa chỉ: Số 02 L , Quận B , Tp H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - chủ tịch hội đồng thành viên.

Người được ủy quyền: Ông Trịnh Minh H sinh năm 1980

Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển Nông thôn chi nhánh thị xã B , tỉnh T .(Ông H có mặt tại phiên tòa)

2. *Bị đơn:* Chị Phạm Thị T sinh năm 1985

Trú tại: Khu phố X, phường N , thị xã B , tỉnh T.

3.*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Mạnh T sinh năm 1979 (chồng chị T).

Trú tại: Khu phố X, phường N , thị xã B , tỉnh T.

(chị T và anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 / 10 /2018, bản tự khai ngày 13 tháng 02 năm 2019 , quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh B ông Trịnh Minh H trình bày:

Ngày 21 tháng 06 năm 2016, chị Phạm Thị T được Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh thị xã B (*sau đây gọi tắt là Ngân hàng*) cho vay số tiền 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng), theo hợp đồng tín dụng số 3524-LAV-201201601120. Mục đích sử dụng vốn vay : mua đồ dung trong gia đình. Thời hạn vay là 36 tháng , lãi suất 11,5% năm. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 17b1, tờ bản đồ số 224509-VI-14 bản đồ địa chính phường N , thị xã B , tỉnh T có diện tích 26,88 m², địa chỉ tại: Khu phố X, phường N , thị xã B, tỉnh T, được UBND thị xã B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Nguyễn Mạnh T và chị Phạm Thị T . Quá trình sử dụng vốn vay, ngày trả nợ cuối cùng của gia đình chị T là ngày 25/03/2019 trả tiền gốc: 7.662.000đ, tiền lãi là: 337.833đ. Tổng là: 7.999.833đ. Từ sau ngày 25/03/2019 đến nay, gia đình chị T không trả lãi và gốc mặc dù đã được cán bộ Ngân hàng xuống nhắc nhở, đôn đốc rất nhiều lần. Vì chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình chị T phải có trách nhiệm trả gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng. Số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm số nợ gốc gia đình chị Thu phải trả là: 29.838000đ và lãi suất phát sinh là: 4.867.161 đ. Tổng cả gốc và lãi là: 34.705.161 đ. Nếu gia đình chị T không trả được số nợ trên thì Ngân hàng đề nghị kê biên, phát mại tài sản thế chấp đã được ký kết giữa Ngân hàng và gia đình chị T theo hợp đồng thế chấp để thu hồi vốn vay.

Tại bản tự khai ngày 21 tháng 02 năm 2019, chị Phạm Thị T trình bày:

Năm 2016, gia đình chị có vay của Ngân hàng Nông Nghiệp B số tiền 90 triệu đồng, thời hạn vay là 3 năm. Thời hạn trả nợ là chia theo kỳ một quý trả 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Do điều kiện khó khăn nên gia đình chị chưa trả được số nợ trên cho Ngân hàng. Tòa án đã gửi giấy triệu tập chị T rất nhiều lần nhưng chị T không chấp hành. Anh Nguyễn Mạnh T (chồng chị T) là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án cũng không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án mặc dù Tòa án đã trực tiếp tổng đạt giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử

và các giấy tờ tố tụng khác. Vì vậy, không lấy được lời khai của anh T. Xét thấy, đây là lần thứ hai chị T và anh T vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 BLTTDS Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T và anh T.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Ngân hàng ông Trịnh Minh H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký phiên tòa, hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án đã tuân theo quy định pháp luật tố tụng Dân sự. Đối với việc chị T và anh T vắng mặt tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T và anh T.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị: HĐXX buộc chị Thu phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh thị xã B, tỉnh T số tiền gốc: 29.838.000đ và lãi suất phát sinh là: 4.867.161 đ. Tổng cả gốc và lãi là: 34.705.161 đ. Nếu gia đình chị T không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp để thu hồi vốn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về tố tụng: Việc Ngân hàng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Phạm Thị T phải có trách nhiệm trả số tiền vay vào mục đích mua đồ dung trong gia đình, theo hợp đồng tín dụng số 3524-LAV-201201601120 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh thị xã B là quan hệ pháp luật “**Tranh chấp về hợp đồng dân sự**” theo quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B.

[2] Về nội dung việc kiện: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 3524-LAV-201201601120, ký kết giữa Bên cho vay Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển Nông thôn chi nhánh thị xã B và bên vay là chị Phạm Thị T thể hiện: Gia đình chị T vay Ngân hàng số tiền 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng), mức lãi suất cho vay là 11,5% / năm, thời gian vay là 36 tháng. Mục đích cho vay mua đồ dung trong gia đình. Hạn trả nợ được chia làm 12 kỳ. Mỗi quý trả 7.500.000đ, bắt đầu từ ngày

20/9/2016, kỳ cuối cùng là ngày 20/6/2019. Tài sản bảo đảm cho khoản vay nói trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 17b1, tờ bản đồ số 224509-VI-14 bản đồ địa chính phường N, thị xã B đo năm 1996 diện tích 26,88 m² có địa chỉ tại: Khu phố X, phường N, thị xã B, tỉnh T được UBND thị xã B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 780908 cấp ngày 11/6/2012 chủ sở hữu là ông Nguyễn Mạnh T và bà Phạm Thị T. Quá trình sử dụng vốn vay, gia đình chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của Ngân hàng. Kể từ ngày 26/3/2019 cho đến nay gia đình chị T không trả lãi và tiền gốc theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng.

Vì vậy, cần phải chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc chị Phạm Thị T phải có trách nhiệm trả số nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt nam chi nhánh thị xã B, T số tiền chưa trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/6/2019) bao gồm: tiền gốc là: 29.838.000đ; tiền lãi là: 4.867.161đ. Tổng là: 34.705.161 đ (ba mươi tư triệu, bảy trăm linh năm ngàn, một trăm sáu mươi một đồng). Nếu gia đình chị T không trả được số tiền nói trên, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu chi cục thi hành án dân sự kê biên phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 17b1 tên chủ sở hữu là Nguyễn Mạnh T, Phạm Thị T, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3524/076/03/2016 được ký ngày 20 tháng 6 năm 2016 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt nam chi nhánh thị xã B, T và chị Phạm Thị T, anh Nguyễn Mạnh T.

[3].Về án phí: áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ Luật Tố tụng Dân sự, khoản 2 điều 26 nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH; điểm b mục 1.3 khoản 1 mục II danh mục về mức án phí ban hành theo nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội buộc chị Phạm Thị T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là: **1.735.000đ** (Một triệu, bảy trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

***1.Áp dụng:** áp dụng khoản 3 điều 26 và khoản 3 điều 144; khoản 4 điều 147 Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điều 463;464;465;466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 điều 26 nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH; điểm b mục

1.3 khoản 1 mục II danh mục về mức án phí ban hành theo nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử:

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc chị Phạm Thị T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh thị xã B, tỉnh T số tiền vay theo hợp đồng tín dụng số 3524-LAV-201201601120, cụ thể số tiền gốc là: **29.838000đ**; tiền lãi tính đến ngày 25/6/2019 là: **4.867.161đ**, tổng là: **34.705.161đ** (*Ba mươi tư triệu, bảy trăm linh năm ngàn, một trăm sáu mươi mốt đồng*) . Chị T còn phải tiếp tục phải trả tiền lãi trên số tiền gốc chưa trả được theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

-Nếu chị Phạm Thị T không trả được số nợ trên, thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh thị xã B , tỉnh T có quyền yêu cầu chi cục thi hành án kê biên phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 17b1, tờ bản đồ số 224509-VI-14 bản đồ địa chính phường Ngọc Trạo, thị xã B đo năm 1996 diện tích 26,88 m² tại khu phố X, p N , thị xã B , tỉnh T đã được UBND thị xã B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên chủ sử dụng ông Nguyễn Mạnh T và bà Phạm Thị T (theo hợp đồng thế chấp số 3524/076/03/2016 ngày 20 tháng 6 năm 2016 được ký kết tại Văn phòng công chứng B).

3.Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp tiền án phí DSST là: 1.735.000đ (*một triệu bảy trăm ba mươi lăm ngàn đồng*).

-Trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh thị xã B , tỉnh T số tiền tạm ứng án phí 1.500.000đ (*Một triệu, năm trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0000813 ngày 23 tháng 01 năm 2019 của chi cục thi hành án dân sự Bim sơn

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7a và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án Dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, đại diện Ngân hàng ông Trịnh Minh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/6/2019). Chị Phạm Thị

T và anh Nguyễn Mạnh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án .

Nơi nhận:

- Các Đương sự
- VKSND TX Bim sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS thị xã Bim sơn
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh hóa

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TẠ THỊ HƯƠNG